TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 15-09-2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Loan.

2. Ông Ngô Quang Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công A; sinh năm 1950,

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X , thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lý Thị Đ; sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X , thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở: Thôn KD, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1952. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X , thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Chị Nguyễn Thị T (theo văn bản ủy quyền ngày 09-6-2022). Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn TĐ, xã VT, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Cháu Nguyễn Cao P; sinh ngày 27 tháng 11 năm 2010.

Trú tại: Tổ dân phố X , thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Chị Lý Thị Đ. Trú tại: Tổ dân phố X , thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nơi ở: Thôn KD, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-04-2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11-5-2022, bản tự khai ngày 02-6-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công A trình bày:

Ông Nguyễn Công A có vợ là bà Nguyễn Thị Đ, ông bà có con đẻ là anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/9/1982. Năm 2008, ông bà có tặng cho anh H thửa đất ở và thửa đất trồng cây lâu năm tại Thôn A (Nay là Tổ dân phố X), thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái, đất đã được UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H có diện tích đất như sau:

- Diện tích đất ở 160,0m^2 tại thửa số 508, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND, ngày 17-04-2008.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 69,0m^2 tại thửa số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND, ngày 17-04-2008. Trên diện tích đất cho tặng có 01 ngôi nhà gỗ 04 gian do ông bà tạo dựng và ở từ trước, cũng bàn giao lại toàn bộ cho anh H quản lý và sử dụng.

Năm 2009, anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Lý Thị Đ và sinh được một người con duy nhất là cháu Nguyễn Cao P, sinh ngày 27/11/2010, khoảng hai đến ba năm sau anh H chị Đ có xây dựng lại một căn nhà trên đất, nhà xây cấp bốn mái lợp tôn cùng bếp và công trình phụ khép kín trên 4m chiều ngang, chiều dài dọc theo thửa đất ở. Năm 2018 anh H chết không để lại di chúc. Anh H cũng không có con riêng, con nuôi hay bố mẹ nuôi. Hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Văn H gồm có 04 người: Tôi là Nguyễn Công A, vợ tôi Nguyễn Thị Đ, vợ anh H là chị Lý Thị Đ và con anh H là cháu Nguyễn Cao P.

Di sản anh Nguyễn Văn H để lại gồm: Diện tích đất ở 160,0m^2 tại thửa số 508, tờ bản đồ số 1-D-III. Trị giá đất căn cứ vào quyết định 36 ngày 20-12-2021 của UBND tỉnh Yên Bái về bảng giá đất thì giá đất ở là 2.000.000đồng/m^2 x 160m^2 = 320.000.000đồng.

+ Nhà xây cấp 4 mái lợp tôn trên một nửa diện tích đất ở tại đô thị. Hiện tại trị giá nhà là 50.000.000 đồng.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 69,0m^2 tại thửa số 511, tờ bản đồ số 1-D-III,. Trị giá đất theo quy định có giá là 26.000đồng/m^2 x 69m^2 = 1.794.000đồng.

Sau khi anh H chết, chị Lý Thị Đ không xây dựng, không đóng góp gì vào khối di sản trên của anh H mà việc nuôi dưỡng cháu P là do vợ chồng tôi lo liệu hết. Đến năm 2021, chị Đ làm giấy cam kết từ chối nuôi dưỡng cháu Nguyễn Cao P và kết hôn với người đàn ông khác trú tại thôn KD, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện TY chia theo pháp luật di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H và chia bằng hiện vật như sau:

- Chia cho vợ chồng tôi là Nguyễn Công A và Nguyễn Thị Đ:

+ Một nửa thửa đất số 508 là 80m^2 trị giá 160.000.000 đồng.

+ Một nửa thửa đất số 511 là 34,5m^2 trị giá 897.000 đồng giáp với nửa thửa đất số 508 để thuận tiện cho việc sử dụng.

- Chia cho chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P:

+ Một nửa thửa đất số 508 là 80m^2 trị giá đất là 160.000.000 đồng; trên phần thửa đất này có một ngôi nhà xây cấp 4 mái lợp tôn (vì ngôi nhà cấp 4 được xây dựng nằm gọn trên một nửa của thửa đất số 508 với chiều ngang mặt đường là 4m, chiều dài dọc theo thửa đất)

+ Một nửa thửa đất số 511 là 34,5m^2 trị giá 897.000 đồng giáp với nửa thửa đất số 508 để thuận tiện cho việc sử dụng.

Yêu cầu Toà án xem xét khi chia di sản thừa kế có tính đến công sức của Ông A, bà Đ trong việc quản lý, duy trì khối di sản và công sức chăm nom mồ mả, thờ cúng anh Nguyễn Văn H.

Ông A không yêu cầu chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P trích chia chênh lệch nếu như kỷ phần của chị Đ và cháu P được nhận có giá trị lớn hơn kỷ phần của tôi và bà Đ được nhận.

Ngày 15/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Công A có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với đề nghị chia di sản thừa kế là ngôi nhà xây cấp 4 mái lợp tôn và đề nghị xem xét chia công sức trông nom, duy trì khối di sản và việc hương hoả thờ cúng anh Nguyễn Văn H của vợ chồng Ông A. Ông A đề nghị để lại ngôi nhà xây cấp 4 cho chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P sử dụng do xác định đây là tài sản chung của anh H và chị Đ.

Tại bản tự khai ngày 14-7-2022 bị đơn chị Lý Thị Đ trình bày: Ngày 30-9-2009 chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H sinh năm 1982, tại Thôn A, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái (Nay là Tổ dân phố X thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái). Ngày 27-11-2010, anh chị sinh được một con trai đặt tên là Nguyễn Cao P cho đến 23-11-2018 anh H chết, chị Đ ở lại đó một thời gian sau đó đi nơi khác sinh sống đến nay. Nay bố mẹ anh H là ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H gồm có 01 thửa đất thổ cư mang tên anh Nguyễn Văn H đã được UBND huyện TY cấp ngày 17-4-2008 diện tích 160m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND, có chiều mặt đường là 8m và 01 thửa đất trồng cây lâu năm 69,0m^2 tại thửa số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND, ngày 17-04-2008.

Về hàng thừa kế của anh H gồm Chị Đ, con trai Nguyễn Cao P ngoài ra anh H không có con riêng hoặc con nuôi và bố mẹ nuôi nào khác. Về giá trị di sản thừa kế chị nhất trí theo đề nghị của Ông A, tuy nhiên yêu cầu chia di sản thừa kế của Ông A, bà Đ chị Đ không nhất trí.

Tại bản khai ngày 13-6-2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, người đại diện được bà Đ ủy quyền chị Nguyễn Thị T trình bày: Ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ là bố mẹ đẻ của tôi. Bố mẹ tôi có con đẻ là anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/9/1982 đồng thời cũng là em trai ruột của tôi. Khoảng năm 2008, bố mẹ tôi có tặng cho anh H thửa đất ở và thửa đất trồng cây lâu năm tại Thôn A (Nay là Tổ dân phố X), thị trấn CP, huyện TY, tỉnh

Yên Bái. Năm 2008, anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai thửa đất trên như sau:

- Thửa thứ nhất là đất ở 160,0m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ số H00614 /Q.định số: 529/QĐ-UBND mang tên ông Nguyễn Văn H. Thửa thứ hai đất trồng cây lâu năm 69,0m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ số H00615 /Q.định số: 529/QĐ-UBND mang tên ông Nguyễn Văn H .

Trên diện tích đất được cho tặng có một ngôi nhà gỗ 04 gian do bố mẹ đẻ tôi là Ông A bà Đ ở từ trước, khi cho tặng thì bàn giao lại toàn bộ nhà và đất cho anh H quản lý sử dụng.

Năm 2009, anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Lý Thị Đ và sinh được một người con duy nhất là cháu Nguyễn Cao P, sinh ngày 27/11/2010. Sau đó khoảng hai đến ba năm sau anh H và chị Đ có xây dựng một ngôi nhà trên đất, nhà xây cấp IV mái lợp tôn cùng bếp và công trình phụ khép kín trên 04m bề ngang, chiều dài dọc theo thửa đất ở. Năm 2018, anh H chết không để lại di chúc. Anh H cũng không có con riêng, con nuôi hay bố mẹ nuôi. Hàng thừa kế thứ nhất của anh Nguyễn Văn H có 04 người gồm có: bố tôi là ông Nguyễn Công A, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Đ, vợ anh H là chị Lý Thị Đ và con trai ruột anh H là cháu Nguyễn Cao P.

Di sản anh Nguyễn Văn H để lại gồm: Đất ở diện tích 160,0m^2 có giá trị là 320.000.000đồng; 01 thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 69,0m^2 có giá trị là 1.794.000đồng. Từ khi anh H chết, chị Lý Thị Đ không cải tạo, xây dựng, cũng không đóng góp thêm gì vào khối di sản anh H để lại .

Nay bố tôi là Nguyễn Công A khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện TY chia theo pháp luật di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H và chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ: Một nửa thửa đất ở là 80m^2 trị giá 160.000.000 đồng. Một nửa thửa đất trồng cây lâu năm là 34,5m^2 trị giá 897.000 đồng giáp với nửa thửa đất ở để thuận tiện cho việc sử dụng.

- Chia cho chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P: Một nửa thửa đất ở là 80m^2 trị giá đất là 160.000.000 đồng; trên phần thửa đất này có một ngôi nhà xây cấp 4 mái lợp tôn đây là tài sản của vợ chồng anh H xây dựng lên và một nửa thửa đất trồng cây lâu năm là 34,5m^2 trị giá 897.000 giáp với nửa thửa đất ở để thuận tiện cho việc sử dụng.

Ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu chị Lý Thị Đ phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản nếu phần chị Đ và cháu P được chia có giá trị lớn hơn phần Ông A, bà Đ được chia và Ông A, bà Đ không yêu cầu chia di sản là ngôi nhà xây cấp 4 trên đất ở mà giao cho mẹ con chị Đ sở hữu, sử dụng. Với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của mẹ tôi bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản nêu trên, tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện và phương án phân chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H mà bố tôi là ông Nguyễn Công A đã đưa ra. Do bố mẹ tôi nay đã tuổi cao sức yếu nên đề nghị Toà án xem xét nhập kỷ phần thừa kế mà Ông

A và bà Đ được hưởng thành tài sản chung của vợ chồng để tiện trong việc sinh sống làm nhà ở sau này của bố mẹ tôi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự vắng mặt, có mặt tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát huyện TY đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các Điều 136; 609; Điều 610; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 98; Điều 99; Điều 100 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật, theo hướng các đương sự được hưởng di sản theo phần bằng hiện vật không làm ảnh hưởng đến các công trình trên đất.

Ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý và sử dụng ½ thửa đất số 508, tờ bản đồ số 1-D-III đất ở tại đô thị được UBND huyện TY cấp cho ông Nguyễn Văn H, địa chỉ thửa đất tại Thôn A (Nay là Tổ dân phố X) thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H có diện tích 80m^2.

Ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất 511 tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H có diện tích 34,5m^2.

Chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 508, tờ bản đồ số 1-D-III đất ở tại đô thị được UBND huyện TY cấp cho ông Nguyễn Văn H, địa chỉ thửa đất tại Thôn A (Nay là Tổ dân phố X) thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H có diện tích 80m^2.

Chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được quyền quản lý, sử dụng ½ thửa đất 511 tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H có diện tích 34,5m^2.

Chị Lý Thị Đ có trách nhiệm quản lý kỷ phần thừa kế cháu Nguyễn Cao P được hưởng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có thoả thuận khác phù hợp quy định của pháp luật.

Trên phần diện tích đất ở tại đô thị và đất cây lâu năm chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được chia có một nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ khép kín mái lợp tôn. (Chi tiết các thửa đất được giao cho các đồng thừa kế được thể hiện tại sơ đồ đo đạc)

Đối với diện tích đất dôi dư 17,8m^2 so với diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 511đã cấp cho ông Nguyễn Văn H các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" tại Tổ 10 thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TY thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lý Thị Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Cao P, người đại diện của cháu P chị Lý Thị Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Lý Thị Đ theo quy định của pháp luật.

[2] *Về thời hiệu:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự quy định "….Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản,….kể từ thời điểm mở thừa kế….". Trong vụ án này anh Nguyễn Văn H chết năm 2018. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công A là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1982 là con đẻ của ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ. Năm 2008 ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ cho tặng anh Nguyễn Văn H một thửa đất ở tại Thôn A (Nay là Tổ dân phố X), thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Ngày 17-4-2008, anh H được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất được cho tặng, trên đất có một ngôi nhà gỗ 4 gian. Năm 2009, anh H kết hôn với chị Lý Thị Đ và về chung sống tại ngôi nhà và thửa đất được cho tặng. Năm 2010 anh H, chị Đ sinh được một người con là Nguyễn Cao P, sinh ngày 27/11/2010. Khoảng năm 2012, anh H, chị Đ xây dựng mới một ngôi nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ khép kín trên một phần diện tích đất. Năm 2018, anh Nguyễn Văn H chết không để lại di chúc.

[3.2] Về di sản thừa kế gồm:

- Đất ở diện tích 160,0m^2 tại thửa số 508, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND, ngày 17-04-2008 mang tên ông Nguyễn Văn H.

- Đất trồng cây lâu năm diện tích 69,0m^2 tại thửa số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND, ngày 17-04-2008 mang tên ông Nguyễn Văn H.

- Tài sản trên đất là ngôi nhà xây cấp 4 mái lợp tôn cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên một phần diện tích đất ở tại đô thị và đất cây lâu năm. Tuy nhiên đối với di sản thừa kế là ngôi nhà xây cấp 4, nguyên đơn ông Nguyễn Công A xác định đây là tài sản chung của anh Nguyễn Văn H và chị Lý Thị Đ, Ông A rút yêu cầu chia di sản là ngôi nhà xây cấp 4 và để lại cho chị Lý Thị Đ cùng con trai chị Đ là Nguyễn Cao P sinh sống nên Toà án không xem xét chia thừa kế đối với ngôi nhà xây cấp 4 là phù hợp.

[3.3] Ngày 14-8-2022 Tòa án nhân dân huyện TY tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với di sản thừa kế xác định:

Sau khi lồng ghép với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định: Thửa đất ở số 508 có chiều mặt đường 8m chiều sâu 20m, các cạnh tiếp giáp đã được xác định trùng với ranh giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất trồng cây lâu năm số 511 liền kề với thửa đất 508, các phía tiếp giáp đã được các đương sự và hộ giáp danh liền kề xác định và thống nhất đã có tường xây bao quanh, sau khi đo đạc có tổng diện tích là 86,8m^2 vượt 17,8m^2 so với diện tích đất được cấp. Đối với tài sản trên đất gồm có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ khép kín, xây dọc theo chiều đất có chiều mặt đường là 4m, phần diện tích đất còn lại trồng ngô và có 01 bức tường xây cắt ngang phía trong phần đất trống (Chi tiết các phía tiếp giáp các cạnh thửa của các thửa đất và các công trình trên đất có sơ đồ kèm theo). Các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với kết quả đo đạc và không có ý kiến gì.

Đối với tài sản có trên đất các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về hàng thừa kế:

Căn cứ theo khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H gồm 04 người: Bố đẻ anh H là ông Nguyễn Công A, mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị Đ, vợ anh H là chị Lý Thị Đ và con trai anh H là cháu Nguyễn Cao P. Anh H không có bố mẹ nuôi, vợ nào khác và không có con nuôi hay con riêng nào khác. Khi anh H chết không để lại di chúc vì vậy di sản thừa kế của anh H được chia theo quy định pháp luật thành 04 kỷ phần bằng nhau.

[3.5] Căn cứ vào hiện trạng thực tế, di sản thừa kế là các thửa đất liền kề, khi chia cho các đồng thừa kế theo phần, cần xem xét đến điều kiện sử dụng và vị trí thửa đất để đảm bảo cho các đồng thừa kế sử dụng ổn định và phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa đều có ý kiến đề nghị giao phần đất có nhà ở cho mẹ con chị Đ quản lý, sử dụng để có trách nhiệm thờ cúng anh Nguyễn Văn H, phần diện tích

đất còn lại chia phần cho Ông A và bà Đ và ông bà có nguyện vọng được nhập kỷ phần của hai người thành khối tài sản chung để đảm bảo đủ diện tích đất là 4m mặt đường dựng một ngôi nhà để ông bà sinh sống. Đối với di sản là tài sản trên đất gồm nhà xây cấp 4 và các yêu cầu chia công sức trông nom, duy trì khối di sản và việc thờ cúng anh H, Ông A có đơn xin rút yêu cầu, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra.

[3.6] Xét về điều kiện thực tế của các đồng thừa kế trong việc quản lý và sử dụng tài sản, nhận thấy: Chị Đ đã đi nơi khác sinh sống và để lại cháu Nguyễn Cao P cho Ông A bà Đ nuôi dưỡng, tuy nhiên chị Đ vẫn có trách nhiệm đối với cháu P, nên việc giao diện tích đất có ngôi nhà trên đất cho chị Đ và cháu P quản lý, sử dụng để có trách nhiệm trong việc thờ cúng anh H, hiện tại do cháu P chưa đủ tuổi thành niên nên kỷ phần của cháu được giao cho chị Đ quản lý đến khi cháu P trưởng thành là phù hợp.

Ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu chị Lý Thị Đ phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản nếu phần di sản chị Đ và cháu P được chia có giá trị lớn hơn phần Ông A, bà Đ được chia. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng trên là phù hợp, cần được chấp nhận.

Đối với diện tích đất dôi dư 17,8m^2, tại văn bản số 135/CV-TNMT, ngày 12-9-2022 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện TY, tỉnh Yên Bái cho biết: Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai 2013; Điều 24a Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 được bổ sung tại Nghị định số 01/2017 ngày 06-01-2017 quy định, thì đối với phần diện tích đất 17,8m^2 tăng thêm so với diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H cần phải làm rõ về nguồn gốc đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho hay nhận thừa kế và có giấy tờ về quyền sử dụng đất không thì mới có căn cứ để giải quyết theo quy định. Vì diện tích đất dôi dư không phải là di sản thừa kế, nhưng nằm trong khuân viên đất trồng cây lâu năm của hộ ông Nguyễn Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi các đồng thừa kế được chia kỷ phần di sản thừa kế nếu có nhu cầu để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất dôi dư có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu và đủ điều kiện.

[3.7] Về giá trị di sản thừa kế:

Nguyên đơn ông Nguyễn Công A xác định diện tích đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H có giá trị theo quy định của Nhà nước, cụ thể tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 và Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Yên Bái. Bị đơn chị Lý Thị Đ, người được uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là chị Nguyễn Thị T đồng ý với giá trị đất mà nguyên đơn đưa ra.

Theo đó xác định được giá trị của di sản thừa kế như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất ở đô thị: 160m^2 x 2.000.000đồng/m^2 = 320.000.000đồng.

- Giá trị quyền sử dụng đất cây lâu năm: 69,0m^2 x 26.000đồng/m^2 = 1.794.000đồng.

[3.8] Phân chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H được chia làm 4 kỷ phần. Cụ thể:

Giá trị mỗi kỷ phần đất ở đô thị: 320.000.000 đồng : 4 = 80.000.000 đồng.

Giá trị mỗi kỷ phần đất cây lâu năm: 1.794.000 đồng : 4 = 448.500 đồng.

Ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ, chị Lý Thị Đ, cháu Nguyễn Cao P mỗi người được chia: 80.000.000 đồng + 448.500 đồng = 80.448.500 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ thống nhất nhập kỷ phần thừa kế của mình được hưởng thành khối tài sản chung của vợ chồng nhận thấy là phù hợp cần được chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Cao P là người chưa thành niên, vì vậy phần di sản thừa kế mà cháu Nguyễn Cao P được hưởng cần giao cho chị Lý Thị Đ là người đại diện theo pháp luật của cháu P quản lý. Do di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H là diện tích đất ở đô thị có chiều ngang 8m mặt đường, chiều dài 20m và diện tích đất cây lâu năm có chiều ngang 8m liền kề phía sau diện tích đất ở đô thị nên có thể chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế theo phần. Cụ thể như sau:

Chia cho ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ 4m chiều ngang mặt đường đất ở tại đô thị, chiều dài 20m và 4m chiều ngang đất cây lâu năm liền kề phía sau diện tích đất ở, phía tiếp giáp đất dôi dư có chiều dài là 4m, đất được chia có giá trị là 80.448.500 đồng x 2 = 160.897.000 đồng. Trên đất có một bức tường xây gạch ba banh dài 4m.

Chia cho cháu Nguyễn Cao P và chị Lý Thị Đ 4m chiều ngang mặt đường đất ở tại đô thị, chiều dài 20m và 4m chiều ngang đất cây lâu năm liền kề phía sau diện tích đất ở, phía tiếp giáp đất dôi dư có chiều dài là 4,2m, đất được chia có giá trị là 80.448.500 đồng x 2 = 160.897.000 đồng. Trên phần diện tích đất ở đô thị và cây lâu năm chia cho cháu Nguyễn Cao P và chị Lý Thị Đ có một nhà xây cấp 4 mái lợp tôn cùng công trình phụ khép kín. (Chi tiết thửa đất có sơ đồ kèm theo)

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí đối với kỷ phần mình được chia theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án nên Ông A, bà Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Nguyễn Công A được trả lại 5.938.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001898 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Cháu Nguyễn Cao P, sinh ngày 27/11/2010, tính đến ngày xét xử là ngày 15/9/2022 thì cháu P chưa đủ 12 tuổi. Theo quy định tại Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 thì cháu P là trẻ em đồng thời cháu P có đơn xin miễn án phí được chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án nên cháu P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Chị Lý Thị Đ hưởng phần di sản thừa kế có giá trị 80.448.500 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.022.425 đồng.

Về chi phí thẩm định nguyên đơn ông Nguyễn Công A đã nộp tạm ứng và nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công A về việc chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H.

1.1. Xác định di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn H mà ông Nguyễn Công A yêu cầu chia gồm:

+ 160,0m^2 đất ở đô thị tại thửa số 508, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

+ 69,0m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Ông Nguyễn Công A và bà Nguyễn Thị Đ nhập kỷ phần thừa kế của mình được hưởng thành khối tài sản chung của vợ chồng.

1.2. Chia cho ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng 80 m^2 diện tích đất ở tại đô thị có tứ cận như sau: Phía Tây Nam giáp hành lang giao thông đường Yên Bái – Khe Sang chiều dài mặt đường 4m từ điểm A4 đến điểm b1; Phía Đông Nam giáp đất anh Nguyễn Văn N chiều dài 20m từ điểm A4 đến điểm A3; Phía Đông Bắc giáp diện tích đất cây lâu năm Ông A, bà Đ được chia chiều dài 4m từ điểm A3 đến điểm b2; Phía Tây Bắc giáp diện tích đất chị Lý Thị Đ, cháu Nguyễn Cao P được chia chiều dài 20m từ điểm b1 đến điểm b2. Tại thửa đất số 508, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

1.3. Chia cho ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng 34,5 m^2 diện tích đất cây lâu năm có tứ cận như sau: Phía Tây Nam giáp đất ở đô thị Ông A, bà Đ được chia chiều dài 4m từ điểm A3 đến điểm b2; Phía Đông

Nam giáp đất anh Nguyễn Văn N chiều dài 8,9m từ điểm A3 đến điểm b5; Phía Đông Bắc giáp diện tích đất dôi dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiều dài 4m từ điểm b5 đến điểm b4; Phía Tây Bắc giáp diện tích đất chị Lý Thị Đ, cháu Nguyễn Cao P được chia chiều dài 8,6 m từ điểm b4 đến điểm b2, tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

1.4. Chia cho chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được quyền quản lý, sử dụng 80 m^2 diện tích đất ở tại đô thị có tứ cận như sau: Phía Tây Nam giáp hành lang giao thông đường Yên Bái – Khe Sang chiều dài mặt đường 4m từ điểm A5 đến điểm b1; Phía Đông Nam giáp đất ở đô thị Ông A, bà Đ được chia chiều dài 20m từ điểm b1 đến điểm b2; Phía Đông Bắc giáp diện tích đất cây lâu năm chị Đ, cháu P được chia chiều dài 4m từ điểm b2 đến điểm A6; Phía Tây Bắc giáp đất bà Lê Thị Kim Dung chiều dài 20m từ điểm A6 đến điểm A5 tại thửa đất số 508, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156587, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00614/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

1.5. Chia cho chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được quyền quản lý, sử dụng 34,5 m^2 diện tích đất cây lâu năm có tứ cận như sau: Phía Tây Nam giáp đất ở đô thị chị Đ, cháu P được chia chiều dài 4m từ điểm b2 đến điểm A6; Phía Đông Nam giáp đất cây lâu năm Ông A, bà Đ được chia chiều dài 8,6m từ điểm b2 đến điểm b4; Phía Đông Bắc giáp diện tích đất dôi dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiều dài 4,2 m từ điểm b4 đến điểm b3; Phía Tây Bắc giáp diện tích đất bà Lê Thị Kim Dung chiều dài 8,4m từ điểm b3 đến điểm A6 tại thửa đất số 511, tờ bản đồ số 1-D-III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 156588, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00615/Q.định số: 529/QĐ-UBND do UBND huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-04-2008 cho ông Nguyễn Văn H.

(Có sơ đồ kèm theo).

Chị Lý Thị Đ có trách nhiệm quản lý kỷ phần thừa kế cháu Nguyễn Cao P được hưởng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có thoả thuận khác phù hợp quy định của pháp luật.

Trên phần diện tích đất ở tại đô thị và đất cây lâu năm chị Lý Thị Đ và cháu Nguyễn Cao P được chia có một nhà xây cấp 4 cùng công trình phụ khép kín mái lợp tôn.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu và đủ điều kiện.

Về chi phí thẩm định: Xác nhận ông Nguyễn Công A nhận chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định (Đã nộp).

2- Về án phí: Ông Nguyễn Công A, bà Nguyễn Thị Đ, cháu Nguyễn Cao P được miễn toàn bộ tiền án phí DSST.

Ông Nguyễn Công A được trả lại 5.938.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001898 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Chị Lý Thị Đ phải chịu 4.022.425 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí DSST tương ứng với giá trị kỷ phần chị Lý Thị Đ được hưởng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.